TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/DS-ST
Ngày:29-9-2023
V/v "Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hòa

2. Bà Bùi Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thịnh- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Lê Trung Hiếu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 và 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 974/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1101/2023/QĐST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh C, sinh năm 1951

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; theo giấy ủy quyền ngày 31/10/2022.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1957

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Hồng Thị T- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh Văn C1, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

- Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1966

Địa chỉ: 7 đường số A, tổ A, Khu phố D, phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị L: Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; theo giấy ủy quyền ngày 28/11/2022.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L có mặt; bị đơn có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn C1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/8/2022, đơn khởi kiện bổ sung, tại bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh C là ông Huỳnh Văn K trình bày:

Cha mẹ của ông C là ông Huỳnh E và bà Nguyễn Thị N. Ông E chết năm 1965, bà N chết năm 2015. Cha mẹ ông C có 4 người con là Huỳnh Thanh C, Huỳnh Văn M, Huỳnh Văn C1 và Huỳnh Thị L. Cha mẹ ông C có tạo lập một mảnh vườn tại thửa đất số 116, tờ bản đồ số 3 phường P và thửa đất ruộng. Thửa đất 116 Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N vào năm 1999. Tại thời điểm xét cấp giấy chứng nhận cho bà N, trong hộ bà N chỉ có 1 mình bà N. Quá trình sủ dụng đất, ông M có phụ bà N đổ đất nâng một phần mảnh vườn ở phía Bắc. Trên thửa đất có nhà cấp IV là nhà tình nghĩa do Ủy ban mặt trận Tổ quốc hỗ trợ 15.000.000 đồng, gia đình đóng góp thêm để xây dựng nhà vào năm 2006. Ngôi nhà này hiện nay đã hư hỏng nhiều. Trước đây khi bà N còn khỏe mạnh bà ở tại ngôi nhà này nhưng khi bà già yếu bà sống cùng với ông Huỳnh Văn M, anh em trong gia đình cũng phụ giúp nuôi mẹ. Nay cha mẹ ông C đều đã chết và không để lại di chúc. Ông C yêu cầu Tòa án chia thừa kế thửa đất số 116 thành 4 kỷ phần cho 4 đồng thừa kế, mỗi kỷ phần diện tích 207m^2, trong đó có 50m^2 đất ODC, ông đề nghị Tòa án ghi nhận về việc của bà Huỳnh Thị L cho ông kỷ phần được chia, còn lại 2 kỷ phần chia cho ông M và ông C1. Tại phiên tòa đại diện của ông C yêu cầu Tòa án sau khi trừ phần diện tích đất để chừa đường đi, phần còn lại mới chia thừa kế theo yêu cầu của ông C. Các anh chị em không tranh chấp ngôi nhà và các tài sản khác, tài sản trên phần đất chia cho người nào thì người đó được nhận, không phải thối lại giá trị. Riêng ông C, ông yêu cầu được chia trên phần đất có nhà cấp IV vì ông là con trưởng, sau này con trai ông là cháu đích tôn thờ cúng liệt sĩ.

Đối với thửa đất ruộng, ông C không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Thanh M1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là bà Hồng Thị T trình bày:

Quan hệ huyết thống và hàng thừa kế của ông Huỳnh E và bà Nguyễn Thị N, ông thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh C.

Thửa đất số 116, tờ bản đồ số 3, phường P, diện tích thực tế 797,4m^2 có nguồn gốc đất của ông bà lưu hạ để lại cho cha mẹ, năm 1999 Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị N. Tại thời điểm xét cấp giấy chứng nhận cho bà N, trong hộ bà N chỉ có 1 mình bà N. Ngôi nhà trên thửa đất là nhà tình nghĩa do Ủy ban mặt trận tổ quốc hỗ trợ 15.000.000 đồng, gia đình đóng góp thêm để xây dựng nhà. Ông là người đã đổ đất nâng một phần vườn ở phía Bắc thửa đất và là người trực tiếp nuôi mẹ khi bà già yếu nằm liệt một chỗ trong 4 năm 8 tháng. Quá trình giải quyết vụ án ông yêu cầu chia cho ông nửa diện tích thửa đất này, còn nửa diện tích thửa đất còn lại phải chia thêm cho anh Huỳnh Trần H là con của ông vì trước đây bà N có hứa cho anh H vì đã có công phụ giúp lo cho bà N. Tại phiên tòa ông thay đổi ý kiến, ông xác định thửa đất này của cha mẹ chưa cho ai. Ông yêu cầu chia thừa kế thửa đất thành 5 kỷ phần, ông xin nhận 2 kỷ phần, riêng ông được thêm 1 kỷ phần vì có công nâng vườn và nuôi mẹ. Ông yêu cầu chia hiện vật tại phần đất có nhà tình nghĩa vì lâu nay ông là người thờ cúng liệt sĩ và muốn giữ lại nhà để làm kỷ niệm. Ngôi nhà có phần nhà tạm làm bếp ở phía Bắc không gắn liền với nhà ở nên nếu tách rời phần nhà bếp không ảnh hưởng đến kết cấu của ngôi nhà. Ông thống nhất việc chừa đất để làm đường, sau đó còn bao nhiêu mới chia thừa kế.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn C1 trình bày:

Quan hệ huyết thống và hàng thừa kế của ông Huỳnh E và bà Nguyễn Thị N, ông thống nhất như lời trình bày của ông Huỳnh Thanh C.

Ông thống nhất về nguồn gốc đất và nhân khẩu trong hộ bà N. Thửa đất số 116, tờ bản đồ số 3, phường P là tài sản do cha mẹ để lại. Còn về ngôi nhà do nhà nước hỗ trợ, gia đình có đóng góp thêm để xây dựng nhà cho bà N. Ông thừa nhận ông M1 là người trực tiếp nuôi bà N khi bà già yếu, còn anh chị em khác cũng qua lại chăm sóc cho bà N. Ông thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế thửa đất 116 thành 4 kỷ phần. Còn việc chia thêm cho cháu Huỳnh Trần H theo như ý kiến trước đây của ông M1 thì ông không thống nhất. Phần nhà ở, ông không tranh chấp, ông yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật và ông xin nhận hiện vật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L là ông Huỳnh Văn K trình bày:

Quan hệ huyết thống và hàng thừa kế của ông Huỳnh E và bà Nguyễn Thị N, ông thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn. Bà yêu cầu chia thửa đất 116 thành 4 kỷ phần theo yêu cầu của nguyên đơn. Phần của bà được chia bà cho ông Huỳnh Thanh C.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 254, 612, 613, 649, 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thửa đất 116 tờ bản đồ số 3 tại phường P thành 5 kỷ phần, chia cho ông Huỳnh Văn M 2 phần vì có công nuôi mẹ và đổ đất nâng vườn, còn 3 phần chia cho cho 3 đồng thừa kế còn lại, ghi nhận việc tặng cho kỷ phần giữa bà Huỳnh Thị L và ông Huỳnh Thanh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh C khởi kiện tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất với bị đơn ông Huỳnh Văn M tại thửa đất ở Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hàng thừa kế: Các bên đương sự thừa nhận ông Huỳnh E chết năm 1965 và bà Nguyễn Thị N chết năm 2015 có 4 người con là các ông bà Huỳnh Thanh C, Huỳnh Văn M, Huỳnh Văn C1 và Huỳnh Thị L.

[2.2] Về di sản thừa kế: Các bên đương sự thừa nhận thửa đất số 116, tờ bản đồ số 3 tại phường P do ông Huỳnh E và bà Nguyễn Thị N tạo lập. Thửa đất này đã được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1999 cho hộ bà Nguyễn Thị N, tại thời điểm cấp trong hộ chỉ có mình bà N. Do đó có cơ sở xác định thửa đất 116, tờ bản đồ số 3 tại phường P, diện tích thực tế là 797,4 m^2, trong đó 200 m^2 đất ở, 597,4 m^2 đất vườn là tài sản hợp pháp của ông Huỳnh E và bà Nguyễn Thị N.

Ông E và bà N chết không để lại di chúc nên phát sinh quyền thừa kế của các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về cách chia: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu chia đều làm 4 kỷ phần cho 4 đồng thừa kế, bị đơn yêu cầu chia làm 5 kỷ

phần, riêng bị đơn được 2 kỷ phần. Hội đồng xét xử xét thấy: các bên đương sự đều thừa nhận bị đơn ông Huỳnh Văn M là người đã đổ đất nâng nền ở phía Bắc thửa đất và là người đã nuôi mẹ gần 5 năm, đây là công sức của ông M nên Hội đồng xét xử xét thấy nên chia cho ông M phần nhiều hơn. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chia thửa đất 116 thành 5 kỷ phần, chia cho ông M hai kỷ phần là có cơ sở. Bà Huỳnh Thị L được chia 1 kỷ phần, bà cho ông Huỳnh Thanh C kỷ phần của mình, việc tặng cho giữa hai bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Vị trí chia: Trên thửa đất 116 có ngôi nhà cấp IV, nguyên đơn ông Huỳnh Thanh C và bị đơn ông Huỳnh Văn M đều yêu cầu được chia phần đất có ngôi nhà này, Hội đồng xét xử xét thấy đây là nhà tình nghĩa mà Ủy ban Mặt trận Tổ quốc hỗ trợ, gia đình đóng góp thêm để xây dựng nhà cho bà N ở, thờ cúng liệt sĩ, sau khi bà N chết, ông M là người thờ cúng liệt sĩ và được Nhà nước trợ cấp mỗi năm một lần tiền thờ cúng liệt sĩ, về phía nguyên đơn khai mình là người đang thờ cúng liệt sĩ nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó cần chia vị trí có phần nhà cấp IV không gắn liền với nhà bếp cho ông M là phù hợp.

Về việc chừa lối đi chung: Do chỉ có một lối đi duy nhất rộng 2,82 m để vào thửa đất 116 và lối đi này chỉ dài 4,87 m nên các đồng thừa kế thống nhất chừa đường đi cho người được chia phía trong, sau đó còn diện tích bao nhiêu thì mới chia thừa kế, việc tự nguyện chừa lối đi của các bên là phù hợp với quy định tại Điều 254 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và cần phải chừa đường đi chung tại phía Đông thửa đất kéo thẳng từ vị trí mép đường phía Tây Nam kéo thẳng về phía Bắc, chiều rộng của đường ở vị trí phía Bắc là 2,46 m với tổng diện tích lối đi chung là 65,8 m^2, (ký hiệu F1) giới hạn các điểm mốc (3,4,5,6,7,8,18,1,7,16,3).

Phần diện tích 731,6 m^2 còn lại tại thửa đất số 116, tờ bản đồ số 3 tại phường P chia cho các đồng thừa kế như sau:

Chia cho ông Huỳnh Văn M 292,64 m^2, trong đó có 80 m^2 đất ở, 212,64 m^2 đất vườn, (kí hiệu F2), có giới cận:

Phía Bắc giáp phần đất giao cho ông Huỳnh Thanh C

Phía Nam giáp thửa đất 164

Phía Đông giáp đường dài (4,87 + 5,88) m

Phía Tây giáp thửa đất 115 dài 5,73 m

Chia cho ông Huỳnh Thanh C 292,64 m^2, trong đó có 80 m^2 đất ở, 212,64 m^2 đất vườn, (kí hiệu F3), có giới cận:

Phía Bắc giáp phần đất giao cho ông Huỳnh Văn C1

Phía Nam giáp phần đất giao cho ông Huỳnh Văn M

Phía Đông giáp đường dài (5,89 + 4,71) m

Phía Tây giáp thửa đất 115 dài 10,42 m

Chia cho ông Huỳnh Văn C1 146,32 m^2, trong đó có 40 m^2 đất ở, 106,32 m^2 đất vườn, (kí hiệu F4), có giới cận:

Phía Bắc giáp thửa đất 113 và Ao

Phía Nam giáp phần đất giao cho ông Huỳnh Thanh C

Phía Đông giáp đường dài 6,25 m

Phía Tây giáp thửa đất 115 dài 4,8 m

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án)

Các đương sự có nghĩa vụ đăng ký phần diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

Theo kết quả thỏa thuận giá: Giá đất là 200.000 đồng/m^2

Giá trị phần đất ông C và ông M, mỗi người được nhận là 58.528.000 đồng. Giá trị phần đất ông C1 được nhận là 29.264.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là 5.100.000 đồng, các đương sự có nghĩa vụ chịu chi phí tương ứng với giá trị tài sản được chia cụ thể:

Ông Huỳnh Văn M và ông Huỳnh Thanh C mỗi người phải chịu: 5.100.000 đồng x 40%= 2.040.000 đồng.

Ông Huỳnh Văn C1 phải chịu 5.100.000 đồng x 20%= 1.020.000 đồng.

Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh C đã nộp tạm ứng nên ông M phải thanh toán lại cho ông C 2.040.000 đồng, ông C1 phải thanh toán lại cho ông C 1.020.000 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Huỳnh Văn M và ông Huỳnh Thanh C là người cao tuổi và có công cách mạng nên không phải chịu tiền án phí, ông Huỳnh Văn C1 phải chịu 1.463.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 254, 612, 613, 649, 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự 2015

- Căn cứ Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q,

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, xác định thửa đất số 116, tờ bản đồ số 3 tại phường P, diện tích 797,4 m^2, trong đó 200 m^2 đất ở, 597,4 m^2 đất vườn là di sản của ông Huỳnh E và bà Nguyễn Thị N.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh E và bà Nguyễn Thị N là các ông bà Huỳnh Thanh C, Huỳnh Văn M, Huỳnh Văn C1 và Huỳnh Thị L.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đồng thừa kế về việc chừa lối đi chung, tại phía Đông thửa đất số 116 với diện tích 65,8 m^2 (ký hiệu F1), giới hạn các điểm mốc (3,4,5,6,7,8,18,1,7,16,3).

Ghi nhận việc tặng cho kỷ phần của bà Huỳnh Thị L cho ông Huỳnh Thanh C.

Phần diện tích 731,6 m^2 còn lại tại thửa đất số 116, tờ bản đồ số 3 tại phường P chia cho các đồng thừa kế như sau:

Chia cho ông Huỳnh Văn M được quyền sử dụng 292,64 m^2 tại thửa đất số 116, trong đó có 80 m^2 đất ở, 212,64m^2 đất vườn, (kí hiệu F2), giới hạn các điểm mốc (9,8,18,19,20,21,22,14,13,12,11,10,9), có giới cận:

Phía Bắc giáp phần đất giao cho ông Huỳnh Thanh C

Phía Nam giáp thửa đất 164

Phía Đông giáp đường dài (4,87 + 5,88) m

Phía Tây giáp thửa đất 115 dài 5,73 m

Chia cho ông Huỳnh Thanh C được quyền sử dụng 292,64 m^2 tại thửa đất số 116, trong đó có 80 m^2 đất ở, 212,64 m^2 đất vườn, (kí hiệu F3), có giới cận:

Phía Bắc giáp phần đất giao cho ông Huỳnh Văn C1

Phía Nam giáp phần đất giao cho ông Huỳnh Văn M

Phía Đông giáp đường dài (5,89 + 4,71) m

Phía Tây giáp thửa đất 115 dài 10,42 m

Chia cho ông Huỳnh Văn C1 được quyền sử dụng 146,32 m^2 tại thửa đất số 116, trong đó có 40 m^2 đất ở, 106,32 m^2 đất vườn, (kí hiệu F4), có giới cận:

Phía Bắc giáp thửa đất 113 và Ao

Phía Nam giáp phần đất giao cho ông Huỳnh Thanh C

Phía Đông giáp đường dài 6,25 m

Phía Tây giáp thửa đất 115 dài 4,8 m

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án)

Nhà ở cấp IV và các tài sản khác trên đất được giao cho ai thì người đó được nhận.

Các đương sự có nghĩa vụ đăng ký phần diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là 5.100.000 đồng, các đương sự có nghĩa vụ chịu chi phí tương ứng với giá trị tài sản được chia cụ thể: Ông Huỳnh Văn M và ông Huỳnh Thanh C mỗi người phải chịu: 2.040.000 đồng. Ông Huỳnh Văn C1 phải chịu 1.020.000 đồng. Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh C đã nộp tạm ứng nên ông M phải thanh toán lại cho ông C 2.040.000 đồng (*hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng),* ông C1 phải thanh toán lại cho ông C 1.020.000 đồng *(một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng)*.

Về án phí: Ông Huỳnh Văn M và ông Huỳnh Thanh C là người cao tuổi và có công cách mạng nên không phải chịu án phí, ông Huỳnh Văn C1 phải chịu 1.463.000 đồng *(một triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã;
- THADS thị xã;
- TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị Hồng Mỹ